

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014 được Quốc hội khoá 13 thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khoá 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP thông tin tín hiệu đường sắt Hà Nội đã được ĐHĐCĐ lần thứ nhất thành lập Công ty thông qua ngày 08/01/2016; Bổ sung sửa đổi tại ĐHĐCĐ thường niên 2017 ngày 14/4/2017;

Căn cứ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hướng dẫn thi hành hoặc liên quan đến các luật đã viện dẫn;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội ngày 04/4/2019,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua các nội dung Báo cáo của Giám đốc, HĐQT, Ban Kiểm soát như sau:

- 1.1. Thông qua Báo cáo của Giám đốc công ty về tình hình SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019.
- 1.2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả công tác quản trị năm 2018 và triển khai nhiệm vụ năm 2019.
- 1.3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Điều 2. Thông qua nội dung các Tờ trình của HĐQT như sau:

- 2.1. Thông qua Tờ trình số 01-19/TTr-ĐHĐCĐ về Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty của Công ty cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Hà Nội và các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Đại hội nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban giám đốc (BGĐ), Ban Kiểm soát (BKS) chủ động trong quản lý, điều hành, kiểm tra giám sát.
- 2.2. Thông qua Tờ trình số 02-19/TTr-ĐHĐCĐ về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và các mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp, biện pháp tổ chức thực hiện giai đoạn 2019 - 2021.
- 2.3. Thông qua Tờ trình số 03-19/TTr-ĐHĐCĐ về kết quả SXKD năm 2018 và kế hoạch SXKD năm 2019 với nội dung cơ bản như sau:

• **Kết quả SXKD năm 2018:**

| TT | TÊN CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Năm 2018 | | |
|----|--------------------------|-------------|----------|-----------|-----------------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện | So sánh % TH/KH |
| 1 | Tổng doanh thu | Tr.đ | 160.865 | 181.717 | 113 |
| 2 | Tổng chi phí | Tr.đ | 154.615 | 174.654 | 113 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 6.250 | 7.063 | 113 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đ | 5.000 | 5.643 | 112,9 |
| 5 | Tỷ suất LN sau thuế/VCSH | % | 20,8 | 23,5 | 113 |

• **Kế hoạch SXKD doanh thu - lợi nhuận năm 2019:**

| TT | TÊN CHỈ TIÊU | Đơn vị tính | Kế hoạch 2019 | Ghi chú |
|----|--------------------------|-------------|---------------|---------|
| 1 | Tổng doanh thu | Tr.đ | 190.431 | |
| 2 | Tổng chi phí | Tr.đ | 182.576 | |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đ | 7.855 | |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đ | 6.284 | |
| 5 | Tỷ suất LN sau thuế/VCSH | % | 25,3 | |

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 được Đại hội thông qua; quyết định điều chỉnh kế hoạch SXKD khi cần thiết để phù hợp với khả năng thực hiện hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong năm.

2.4. Thông qua tờ trình số 04-19/TTr-ĐHCĐ về Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO, với các số liệu chủ yếu như sau (ĐV: đồng VN):

ĐVT: triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | Tăng/giảm |
|----|-----------------------------------|----------|----------|-----------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 111.524 | 119.719 | + 7,3 % |
| 2 | Doanh thu thuần | 157.926 | 178.461 | + 13 % |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 5.528 | 5.758 | + 4,2 % |
| 4 | Lợi nhuận khác | 571 | 1.305 | + 128,5 % |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 6.099 | 7.063 | + 15,8 % |



| | | | | |
|---|---------------------------------|-------|-------|----------|
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 4.879 | 5.643 | + 15,7 % |
| 7 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) | 1273 | 1609 | + 26,4 % |
| 8 | Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá, % | 9,12 | 9,5 | + 4,2 % |

2.5. Thông qua tờ trình số 05-19/TTr-ĐHCD về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018; Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019, như sau:

- **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 (ĐV tính: triệu đồng):**

| TT | CHỈ TIÊU | Thực hiện 2018 | | |
|-----|------------------------------------|----------------|-----------|---------------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | So sánh TH/KH |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 6.250 | 7.063 | 113 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 5.000 | 5.643 | 112,9 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế được phân phối | 5.000 | 5.643 | 112,9 |
| 3.1 | Chi trả cổ tức (9,5%) | 2.137,5 | 2.137,5 | 100 |
| 3.2 | Lợi nhuận còn lại | 2.862,5 | 3.505,5 | 122,5 |
| | - Quỹ thưởng người quản lý công ty | 166 | 164,7 | 99,2 |
| | - Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.856 | 2.499,1 | 134,6 |
| | - Quỹ Đầu tư phát triển | 840 | 841,3 | 100,1 |

- **Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019:**

| T | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2019 |
|-----|------------------------------------|-------------|---------------|
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 7.855 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | - | 6.284 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế được phân phối | - | 6.284 |
| 3.1 | Chi trả cổ tức (12%) | - | 2.700 |
| 3.2 | Lợi nhuận còn lại | - | 3.584 |
| | - Quỹ thưởng người quản lý công ty | - | 166 |
| | - Quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | 2.342,8 |
| | - Quỹ Đầu tư phát triển | - | 1.075,2 |

2.6. Thông qua Tờ trình số 06-19/TTr-ĐHCD về Lương, thù lao HĐQT, BKS thực hiện năm 2018; Kế hoạch lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2019, như sau:

- **Chấp thuận quỹ lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2018 (ĐV: triệu đồng):**

| TT | Chức danh | Số lượng | Lương (tr/năm) | Thù lao (tr/năm) | Ghi chú |
|----|-----------------|----------|----------------|------------------|--|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 297,000 | | Ô Chính 11 tháng, |
| 2 | Thành viên HĐQT | 2 | | 35,100 | Ô Chính 01 tháng, Ô Phuong 12 tháng |
| 3 | Trưởng BKS | 1 | 276,000 | | |
| 4 | Thành viên BKS | 2 | | 55,200 | |
| | Tổng | | 663,300 | | |

- Kế hoạch quỹ lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2019 (ĐV: triệu đồng):

| TT | Chức danh | Số lượng | Lương (tr/năm) | Thù lao (tr/năm) |
|----|-----------------|----------|----------------|------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 324,000 | |
| 2 | Thành viên HĐQT | 1 | | 32,400 |
| 3 | Trưởng BKS | 1 | 276,000 | |
| 4 | Thành viên BKS | 2 | | 55,200 |
| | Tổng | | 687,600 | |

2.7. Thông qua Tờ trình số 07-19/TTr-ĐHĐCĐ về các nguyên tắc lựa chọn Đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2019, giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu kiểm toán hợp nhất của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý và theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo lại với Đại hội đồng cổ đông công ty trong cuộc họp gần nhất.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

- Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 4 năm 2019;
- Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể cổ đông của HASITEC.,JSC chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của HASITEC.,JSC.
- Nghị quyết được lập thành 04 bản./.

Nơi nhận:

- Công bố T/Tin TTCK (công bố);
- V/b ĐHĐCĐ (thực hiện);
- <http://hasitec.com.vn> (t/b toàn thể CĐ);
- HasitecDoc (thực hiện);
- Lưu: TCHC, HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THÔNG TIN TÍN HIỆU
ĐƯỜNG SẮT
HÀ NỘI

Trần Hữu Chính